

THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRONG BỐI CẢNH CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

*Nguyễn Mạnh Kháng**

1. Dân chủ trong tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay

Trong mối quan hệ với Nhà nước ta nói chung và tư pháp hình sự nói riêng, dân chủ luôn là mục tiêu cơ bản trực tiếp cũng như lâu dài. Mọi hoạt động của Nhà nước ta trong đó có tư pháp hình sự, đều nhằm để đảm bảo dân chủ, mở rộng, tăng cường dân chủ về mọi mặt. Vì vậy, thực hiện dân chủ luôn là yêu cầu cơ bản của tư pháp hình sự ở mọi giai đoạn, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay, khi cải cách tư pháp đang được xúc tiến mạnh mẽ ở nước ta theo yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Có thể nói dân chủ là bản chất của Nhà nước ta và do vậy, tố tụng hình sự phải phản ánh bản chất đó.

Trong mối liên hệ với tố tụng hình sự, thì dân chủ vừa là mục đích, vừa là động lực, vừa là phương thức thực hiện tố tụng hình sự ở nước ta. Thật vậy, nhiệm vụ chủ yếu của tố tụng hình sự là đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm và các vi phạm phạm pháp luật, xét xử nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, bảo vệ chế độ chính trị, văn hóa, xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tổ chức, nhà nước và xã hội, bảo vệ trật tự pháp luật XHCN, xét đến cùng chính là nhằm bảo vệ một nền dân chủ, bảo vệ một trật tự mà trong đó nhân dân làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội và thông qua trật tự đó nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Dân chủ là giá trị xã hội lớn lao nhất mà tố tụng hình sự ở nước ta có nhiệm vụ bảo vệ. Chính điều này quyết định vai trò, vị trí của quyền tư pháp trong hệ thống quyền lực nhà

nước, vai trò, vị trí của hệ thống tư pháp hình sự trong hệ thống cơ quan nhà nước, và vai trò của tư pháp hình sự trong xã hội. Trong xã hội ta, tư pháp nói chung và tư pháp hình sự nói riêng được xem như là một chỗ dựa vững chắc của xã hội, của người dân, là nơi bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của họ và là người trọng tài công minh, nhân danh công lý phán xử một cách công bằng, nghiêm minh và đúng đắn.

Tố tụng hình sự ở nước ta vừa là công cụ bảo vệ dân chủ, vừa là một phương thức thực hiện dân chủ. Quyền làm chủ của nhân dân đối với quyền lực nhà nước được thực hiện thông qua hoạt động của cả bộ máy nhà nước trong đó có hệ thống cơ quan tư pháp. Hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật chính là thực hiện quyền dân chủ của nhân dân trong thực tế. Do vậy, hiệu quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật là một trong những thước đo mức độ thực hiện dân chủ trong tư pháp hình sự nói riêng và hệ thống tư pháp nói chung.

Các khảo sát thực tế hiện nay, từ những điều tra cơ bản của các cơ quan nhà nước, đến các công trình nghiên cứu khoa học, dư luận xã hội, v.v. cho thấy tình trạng vi phạm dân chủ đang xảy ra khá nghiêm trọng trong nhiều ngành, nhiều cấp và trong nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau của bộ máy nhà nước kể cả trong tố tụng hình sự (TTHS). Như vậy, thực hiện dân chủ là một yêu cầu cấp bách của TTHS nước ta trong bối cảnh hiện nay.

Tiếp cận dân chủ từ quan hệ tố tụng hình sự

Theo cách hiểu chung nhất thì dân chủ vừa là phương thức tổ chức bộ máy nhà

* PGS. TS Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật

nước, là nguyên tắc hoạt động của bộ máy Nhà nước, vừa thể hiện bản chất của Nhà nước.

Từ cách hiểu trên, dân chủ trong TTHS được thể hiện ở các phương diện sau:

Thứ nhất, dân chủ là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tư pháp hình sự, mà yêu cầu trước hết là phải tạo ra và đảm bảo sự tham gia đồng đẳng nhất của quần chúng nhân dân trong TTHS. Cũng cần phải nói rằng dân chủ là phương thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta nói chung, nhưng phương pháp dân chủ trong tố tụng hình sự có những nét đặc thù và về nguyên tắc, nó phải đậm nét dân chủ hơn so với các hoạt động của các cơ quan khác của nhà nước. Điều này được giải thích bởi vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của tư pháp hình sự, nơi vừa thể hiện và thực hiện dân chủ, vừa bảo vệ dân chủ, lại vừa giáo dục, hướng dẫn việc thực hiện quyền dân chủ. Như vậy, quan hệ giữa dân chủ với tố tụng hình sự là quan hệ giữa bản chất và hiện tượng, giữa nội dung và hình thức, giữa mục đích và phương pháp thực hiện. Mối quan hệ này là quan hệ thuận: tố tụng hình sự càng hiệu quả thì dân chủ càng được phát huy, đảm bảo. Ngược lại, càng dân chủ thì tố tụng hình sự càng trong sạch, vững mạnh, hoạt động càng hiệu quả. Từ đây có thể thấy rằng, yêu cầu về tổ chức và hoạt động của bộ máy tư pháp hình sự là sao cho đảm bảo một cách tốt nhất trong điều kiện có thể nền dân chủ thông qua việc thực hiện các quyền dân chủ, các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, phải đảm bảo sao cho người dân có khả năng tiếp cận công lý một cách giản tiện nhất, dễ dàng và hiệu quả nhất.

Thứ hai, hoạt động TTHS phải nhằm bảo vệ, bảo đảm thực hiện dân chủ. Nếu yêu cầu thứ nhất đòi hỏi cách thức tố tụng phải dân chủ thì yêu cầu thứ hai này đòi hỏi nội dung của hoạt động tố tụng phải dân chủ. Nghĩa là các hoạt động tố tụng phải nhằm phục vụ nhân dân, đảm bảo các quyền và lợi ích của người dân. Các cơ quan tố tụng hình sự phải

trở thành chỗ dựa vững chắc cho người dân. Mức độ dân chủ trong tư pháp hình sự còn được thể hiện thông qua độ tin cậy của người dân vào sự công minh, khách quan và hiệu quả của các cơ quan tố tụng.

Thứ ba, phải tạo khả năng hiện thực để nhân dân kiểm soát được hoạt động TTHS. Khả năng kiểm soát ở đây, được thể hiện ở hai mặt: một là khả năng được thông tin về tình hình hoạt động tố tụng hình sự, nhất là về hoạt động xét xử, và hai là khả năng tác động đến hoạt động tố tụng.

Những yêu cầu trên tồn tại một cách khách quan và trở thành đòi hỏi bức xúc trong cải cách tư pháp hiện nay ở nước ta. Tuy nhiên, phạm vi, mức độ và nội dung của các yêu cầu này lại thay đổi tùy thuộc vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể. Nói cách khác, dân chủ luôn có giới hạn nhất định tùy thuộc vào mức độ phát triển chung của đất nước và điều kiện cụ thể của từng ngành, từng lĩnh vực.

Từ cách tiếp cận trên, có thể rút ra những tiêu chí cơ bản để xem xét thực trạng dân chủ trong TTHS. Các tiêu chí này gồm:

- *Mức độ tham gia của nhân dân trong TTHS.*

Luật TTHS nước ta, đã cố gắng tạo các điều kiện để nhân dân tham gia vào quá trình tố tụng hình sự. Lối cuốn quần chúng nhân dân và các tổ chức, đoàn thể xã hội tham gia vào nhiệm vụ đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm nói chung và hoạt động tố tụng hình sự nói riêng chẳng những là một biểu hiện của nền dân chủ mà còn tạo điều kiện để tố tụng hình sự đạt được mục đích đặt ra. Pháp luật tố tụng hình sự hiện hành qui định khả năng tham gia của quần chúng nhân dân và tổ chức xã hội với các hình thức: trực tiếp và gián tiếp. Nhân dân có thể trực tiếp tham gia tố tụng với các vai trò sau: là hội thẩm nhân dân, là người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Điều 25 BLTTHS qui định về trách nhiệm của các tổ chức và công dân trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm: "Các tổ chức, công

dân có quyền và nghĩa vụ phát hiện tố giác hành vi phạm tội; tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Ngoài ra, nhân dân có thể tham gia tố tụng thông qua việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự được qui định tại Điều 31 BLTTHS hoặc thông qua hoạt động giám sát của cơ quan, tổ chức, đại biểu nhân dân đối với hoạt động của cơ quan tiến hành, tố tụng, người tiến hành tố tụng (Điều 32 BLTTHS). Cuối cùng, quần chúng nhân dân có thể tự do tham dự phiên tòa xét xử công khai để theo dõi quá trình xét xử và kết quả xét xử để từ đó có những ý kiến riêng của mình về kết quả tố tụng cụ thể.

Vai trò, vị trí và uy tín của các cơ quan TTHS thể hiện sự đánh giá của nhân dân đối với các cơ quan này. Kết quả điều tra “tình hình thực hiện pháp luật hình sự ở nước ta” (Dự án điều tra cấp nhà nước, do Viện Nhà nước và Pháp luật thực hiện) cho thấy người dân chưa thực sự tin tưởng vào tính nghiêm minh, khách quan của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Nhiều người vẫn cho rằng các cơ quan bảo vệ pháp luật không khách quan do sức ép của các cơ quan, tổ chức khác, hoặc của các cá nhân có chức vụ cao. Cũng không ít người cho rằng hiện tượng tiêu cực tồn tại không ít trong các cơ quan bảo vệ pháp luật. Từ góc độ này rõ ràng là có vướng mắc lớn. Khi người dân không tin tưởng vào bộ máy tư pháp nhất là cơ quan xét xử, thì họ sẽ không còn lòng tin đối với nhà nước. Khi nhà nước không còn được người dân tin tưởng thì đây là nguy cơ số 1, bởi vì nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Tình trạng mất lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật xuất phát từ nhiều lý do khác nhau, chẳng hạn như xét xử oan, sai còn nhiều, còn nhiều vi phạm quyền và lợi ích của dân trong tố tụng... Nhưng theo chúng tôi, lý do khiến dân chúng bất bình, mất lòng tin quan trọng nhất là tình trạng các cán bộ nhà nước vi phạm pháp luật, thậm chí tham nhũng quá nhiều mà không bị xử lý, hoặc xử lý không thỏa đáng. Bảo đảm,

tăng cường pháp chế là biện pháp cần kíp để khôi phục lòng tin của nhân dân.

- *Bản chất dân chủ trong các qui định pháp luật về TTHS và tính hiện thực của các qui định đó.*

Một trong những tiêu chí quan trọng để xem xét tính dân chủ trong tố tụng hình sự là nội dung dân chủ của các qui định trong luật tố tụng hình sự. Các qui định này phục vụ nhân dân như thế nào? Có xuất phát từ lợi ích của nhân dân, xã hội hay không?... Nói cách khác là xem xét bản chất dân chủ trong các qui định của pháp luật tố tụng hình sự.

Về cơ bản, nhiệm vụ và các nguyên tắc lớn của tố tụng hình sự được qui định khá cụ thể trong các chương I và II đã thể hiện khá rõ nét bản chất vì dân của luật tố tụng hình sự. Nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự được xác định là: “... chủ động phòng ngừa ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội... góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa...”. Các nguyên tắc trong chương II đã qui định những xuất phát điểm để tố tụng hình sự thực hiện nhiệm vụ đặt ra.

Mặc dù đã qui định khá đầy đủ, nhưng Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 vẫn chưa ghi nhận cụ thể một số vấn đề mà theo chúng tôi, nên xem đó là các nguyên tắc. Chẳng hạn, tranh tụng là một trong những vấn đề được đặt ra trong cải cách tư pháp và đã được áp dụng phần nào trong thực tiễn. Đây cũng là vấn đề đã được Nghị quyết số 08 – NQ/TW ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” khẳng định. Hay như nguyên tắc suy đoán vô tội, cho đến nay chúng ta vẫn tưởng là đã được qui định trong luật tố tụng hình sự, nhưng thực chất không phải như vậy. Có một số người cho rằng nguyên tắc “không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu

lực pháp luật” (Điều 9 BLTTHS – 2003) là nguyên tắc suy đoán vô tội. Nhưng đây không phải là nguyên tắc suy đoán vô tội (theo nguyên tắc trên thì đó không phải là suy đoán). Nguyên tắc suy đoán vô tội là nguyên tắc mà theo đó khi chưa có đủ chứng cứ buộc tội một cách chắc chắn (giả định là độ tin cậy từ 50% trở xuống) thì không được coi là có tội mà phải coi là vô tội.

Những nguyên tắc nói trên là những nguyên tắc quan trọng, tuy nhiên lại chưa được quy định trong BLTTHS.

Về những nội dung cụ thể của các qui định trong pháp luật TTHS hiện hành, có thể thấy nổi bật các ưu điểm sau:

- Các qui định về quyền của người bị tình nghi, bị can, bị cáo, quyền của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan,... được mở rộng hơn, được qui định cụ thể hơn và dễ tiếp cận hơn;

- Quyền luật sư bào chữa, những người đại diện cho lợi ích của người bị hại, bị can, bị cáo,... cũng được qui định rộng hơn, cụ thể hơn và có tính khả thi hơn...

- Các qui định về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tố tụng và những người tiến hành tố tụng được qui định một cách chặt chẽ hơn, cụ thể hơn, giảm thiểu khả năng nhầm lẫn, sai sót, giảm thiểu điều kiện làm phát sinh tiêu cực;

- Các qui định và trình tự, thủ tục tố tụng chặt chẽ hơn và dễ tiếp cận hơn nếu xét từ phía người dân.

Mặc dù có nhiều ưu điểm như vậy, nhưng các qui định trong Luật TTHS hiện hành vẫn không tránh khỏi những hạn chế nhất định làm hạn chế khả năng thực hiện dân chủ trong tố tụng hình sự.

- *Hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của TTHS.*

Từ vai trò của tư pháp hình sự và mối quan hệ giữa tư pháp hình sự với dân chủ, có thể suy ra rằng nếu nền dân chủ ít được phát huy, các quyền và lợi ích của người dân bị vi phạm nhiều, tình trạng mất dân chủ xảy ra

nhieu, tội phạm và vi phạm pháp luật xảy ra nghiêm trọng thì trách nhiệm của cơ quan tư pháp nói chung và tư pháp hình sự nói riêng là không nhỏ, nhất là trong điều kiện hệ thống pháp luật về vật chất đã quy định một cách tương đối cơ bản về dân chủ và các quyền dân chủ. Trách nhiệm này tăng lên gấp bội nếu tình trạng mất dân chủ, vi phạm quyền dân chủ xảy ra ngay trong hoạt động của các cơ quan này, chẳng hạn xét xử oan, sai, vi phạm các quyền của bị can, bị cáo, bắt, giam không đúng pháp luật... Bởi lẽ, bảo vệ, bảo đảm dân chủ chính là nhiệm vụ của hệ thống tư pháp hình sự, nhất là khi người dân coi cơ quan tư pháp mà cụ thể là tòa án là người bảo vệ công lý, bảo vệ nhân dân, người có vị trí độc lập, khách quan trong việc phân xử các tranh chấp xảy ra trong xã hội. Từ đây có thể rút ra kết luận là trách nhiệm của hệ thống cơ quan tư pháp hình sự đối với dân chủ không chỉ giới hạn ở mức độ nghiêm trọng của tình hình tội phạm và hiệu quả đấu tranh chống và phòng ngừa hiện tượng này, mà nó còn phải chịu trách nhiệm về tình hình vi phạm dân chủ nói chung trong xã hội và trong bộ máy nhà nước.

Trong những năm qua, thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết số 08 – NQ/TW ngày 02 – 01 – 2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, công cuộc cải cách tư pháp nói chung và tư pháp hình sự nói riêng đã đạt nhiều kết quả, trong đó rõ nhất là nhận thức và sự quan tâm đối với công tác tư pháp có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, chất lượng hoạt động tư pháp đã được nâng lên một bước, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển xã hội. Tuy nhiên, những kết quả đó mới là bước đầu và mới tập trung vào giải quyết những vấn đề bức xúc nhất. Công tác tư pháp nói chung và tư pháp hình sự nói riêng còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Chính sách hình sự, pháp luật về hình sự cũng như tố tụng còn nhiều bất cập. Tổ chức bộ máy và cơ chế

hoạt động của bộ máy tư pháp hình sự còn có bất hợp lý. Đội ngũ cán bộ còn thiếu, một bộ phận còn yếu về nghiệp vụ. Tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử còn nhiều. Bên cạnh những hạn chế đậm nét chủ quan này, hệ thống tư pháp hình sự đang đứng trước nhiều thách thức: tình hình tội phạm diễn biến phức tạp với tính chất và hậu quả ngày càng nghiêm trọng; đòi hỏi của công dân và xã hội đối với các cơ quan tư pháp ngày càng cao, các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm.

Trước tình hình trên, Nghị quyết số 49 NQ/TW ngày 02 - 06 - 2005 của Bộ Chính trị "về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" đã chỉ rõ, mục tiêu của cải cách tư pháp trong thời gian tới là: "Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao".

Trước hết, vấn đề dân chủ trong tố tụng hình sự cần được nhìn nhận từ mức độ thực hiện nhiệm vụ của tố tụng hình sự (hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự). Như trình bày ở phần trên, nhiệm vụ tổng quát nhất của tư pháp hình sự là bảo vệ chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ nền dân chủ và các quyền, lợi ích hợp pháp của con người... Trong thời gian qua, có thể thấy tố tụng hình sự cùng với luật hình sự đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chế độ chính trị, thực hiện khá tốt việc bảo vệ chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội. Riêng nhiệm vụ bảo vệ nền dân chủ và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của con người thì còn nhiều vấn đề cần phải bàn. Nói cách khác, nhiệm vụ bảo vệ lợi ích nhà nước được thực hiện tương đối tốt, trong khi đó nhiệm vụ bảo vệ dân chủ vẫn

còn nhiều vấn đề. Có thể thấy điều này qua thực tiễn sau:

Nhiệm vụ cụ thể của tố tụng hình sự là xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, đảm bảo pháp chế, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm và các vi phạm pháp luật. Từ báo cáo của các cơ quan chức năng dễ dàng nhận thấy: tỷ lệ phát hiện, xử lý các loại tội phạm khác nhau, loại án khác nhau rất không đồng đều. Phát hiện, xử lý với tỷ lệ cao nhất là các tội xâm phạm an ninh quốc gia (gần như 100%), sau đó đến các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (đạt gần 90%), tiếp đến là các tội xâm phạm sở hữu (đạt từ 70 đến 85%),... cuối cùng là các tội phạm về chức vụ (dưới 30%), đặc biệt là các tội tham nhũng (dưới 15%). Bổ sung cho tình hình trên, có thể thấy tỷ lệ phát hiện và xử lý các tội phạm do những cán bộ nhà nước thực hiện bằng cách lợi dụng chức vụ, quyền hạn là rất thấp, trong khi đó, các tội phạm do chủ thể thường thực hiện thì con số phát hiện và xử lý khá cao. Trong khi đó, hậu quả của các hành vi phạm tội mà người cán bộ thực hiện thường là nghiêm trọng hơn rất nhiều (có thể thấy các vụ tham nhũng, thiếu tinh thần trách nhiệm gây thiệt hại tài sản tiền tỷ là bình thường, trong khi đó trộm cắp tài sản có khi chỉ là một vài triệu, một vài chục triệu). Còn một thực tế khác nữa mà chúng ta ít để ý đến, là những người khi phạm tội giữ chức vụ càng cao thì mức xử phạt có vẻ như càng nhẹ. Thậm chí ngay cả khi bị kết án, xử phạt, thì vì nhiều lý do khác nhau, những người này cũng ít khi phải chấp hành toàn bộ nội dung hình phạt. Chẳng hạn được tha, miễn trước thời hạn, hoặc có loại hình phạt gần như không khả thi, ví dụ hình phạt tịch thu tài sản đã bị tham nhũng. Có thể nói ngắn gọn là tội phạm do người có chức vụ thực hiện là: loại tội này rất khó phát hiện (mặc dù dễ biết); phát hiện được thì rất khó xử lý; xử lý được thì cũng nhẹ hơn mức cần thiết; nếu thì

hành án thì trong thực tế cũng nhẹ hơn và không đầy đủ so với nội dung bản án.

Như vậy, bức tranh toàn cảnh về đấu tranh chống tội phạm là: cán bộ, viên chức nhà nước nếu phạm tội thì cũng ít bị phát hiện và xử lý, đặc biệt là các tội tham nhũng; chức vụ càng cao thì khả năng bị xử lý càng ít; nếu bị phát hiện thì việc xử lý cũng có phần nương nhẹ và việc thi hành bản án trong thực tế đối với họ cũng không đầy đủ, không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi cũng như hậu quả xảy ra.

Thực trạng trên, theo chúng tôi là điểm yếu nhất của tổ tụng hình sự của ta trong thời gian qua xét từ yêu cầu dân chủ. Và hạn chế chủ yếu nằm ở khâu áp dụng pháp luật. Bởi lẽ trong luật hình sự, từ trước cho đến nay, đặc biệt là trong BLHS năm 1999 các tội phạm về chức vụ đã được qui định khá cụ thể. Thế nhưng đến nay, thực trạng đấu tranh chống và phòng ngừa các tội phạm về chức vụ, đặc biệt là tham nhũng vẫn gần như đứng yên tại chỗ, dù rằng đã từ lâu, Đảng ta nhận định tham nhũng là một trong những tệ nạn có ảnh hưởng sống còn đối với chế độ chính trị. Từ thực trạng trên, việc xuất hiện tư tưởng, suy nghĩ cho rằng tư pháp hình sự dường như chỉ bảo vệ cho nhà nước và các cán bộ nhà nước là điều dễ hiểu, bởi vì có cơ sở thực tế để nảy sinh tư tưởng đó. Từ đó, người dân khó có thể coi nhà nước là nhà nước của nhân dân, nhà nước vì dân.

Do tính chất nghiêm trọng của tệ nạn tham nhũng, do những yếu kém trong cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tham nhũng nói riêng và tội phạm về chức vụ nói chung, và để tạo cơ sở pháp lý cho các biện pháp chống và phòng ngừa tham nhũng vừa qua Quốc hội đã thông qua Luật Phòng chống tham nhũng. Luật Phòng chống tham nhũng khi có hiệu lực chắc chắn sẽ góp phần tăng cường cuộc đấu tranh phòng, chống tệ nạn tham nhũng. Tuy nhiên, từ góc độ tổ tụng hình sự, có thể nói rằng hạn chế lớn trong

đấu tranh chống và phòng ngừa tham nhũng lại nằm ở thực tiễn áp dụng pháp luật.

Đúng là tham nhũng nói riêng và các tội phạm về chức vụ nói chung là khó bị phát hiện. Nhưng điều đó không có nghĩa là không thể phát hiện. Khó khăn lớn nhất ở đây vẫn là bản thân bộ máy tư pháp không thể vô tư, khách quan khi đấu tranh chống các tội phạm do người có chức vụ thực hiện, một mặt khi phát hiện và xử lý tham nhũng, cơ quan tư pháp chịu nhiều áp lực kể cả từ phía các cán bộ nhà nước. Điều đó có nghĩa là chống tham nhũng vẫn chưa được thông suốt ngay trong bộ máy nhà nước và bộ máy tư pháp hình sự chưa có được sự độc lập cần thiết. Chính vì thiếu sự khách quan, thiếu khả năng độc lập cần thiết, nên việc phát hiện, xử lý các hành vi phạm tội do người có chức vụ thực hiện rất bị hạn chế.

- Khả năng kiểm soát của nhân dân đối với hoạt động TTHS.

Khả năng kiểm soát ở đây, được thể hiện ở hai mặt. Một là khả năng được thông tin về tình hình hoạt động tổ tụng hình sự, nhất là về hoạt động xét xử, và hai là khả năng tác động đến hoạt động tổ tụng.

Ở khía cạnh thứ nhất, vấn đề là việc công khai hóa, minh bạch hóa hoạt động tổ tụng. Từ trước đến nay, hoạt động tổ tụng hình sự trừ hoạt động xét xử, luôn có tính bí mật. Điều này vừa gây sự nghi ngờ của quần chúng nhân dân, vừa dễ tạo điều kiện tiêu cực. Để khắc phục tình trạng này, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 đã có nhiều qui định tạo điều kiện để người dân tham gia trực tiếp và kiểm soát hoạt động tố tụng. Chẳng hạn cho phép sự tham gia của luật sư bào chữa từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng, qui định về quyền giám sát của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử đối với hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng... Tuy nhiên, cũng cần qui định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ pháp luật về công khai, minh bạch hoạt động của mình. Chẳng hạn, mặc dù xét xử ở nước ta theo

nguyên tắc công khai, nhưng các bản án và quyết định của tòa án thì không mấy người dân có thể tiếp cận được. Nên chăng, ví dụ như luật qui định tòa án phải niêm yết, hoặc công bố các bản án, quyết định của tòa án dưới một hình thức nào đó trong một thời hạn nhất định.

Ở khía cạnh thứ hai, đây là những khả năng bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình đối với các hoạt động tố tụng. Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003 đã dành một chương qui định về khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự. Các qui định này tạo cơ sở pháp lý để cá nhân, tổ chức có thể bày tỏ ý kiến của mình về hành vi vi phạm pháp luật của người tiến hành tố tụng hoặc cơ quan tiến hành tố tụng. Nhưng rõ ràng đây là quyền của một nhóm chủ thể hạn chế, và do vậy, chưa thể nói là hình thức để rộng rãi quần chúng nhân dân có khả năng tác động đối với các hoạt động tố tụng. Từ các phân tích trên, có thể bước đầu đánh giá về mức độ dân chủ trong TTHS ở nước ta trong thời gian gần đây như sau:

- Tố tụng hình sự (bao gồm cả pháp luật TTHS và thực tiễn) ngày càng thể hiện tốt hơn bản chất do dân, vì dân của mình;

- Tố tụng hình sự đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi để người dân kiểm soát hoạt động tố tụng hình sự;

- Tố tụng hình sự đã có nhiều hình thức và tính khả thi cao để thu hút sự tham gia của người dân, tổ chức và xã hội vào quá trình tố tụng;

- Pháp luật TTHS đã mở rộng hơn các quyền và có những đảm bảo thực hiện các quyền đó của những người tham gia tố tụng; đồng thời qui định một cách cụ thể, chặt chẽ hơn về trách nhiệm, nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng và cơ quan tố tụng;

- Tố tụng hình sự đã thực hiện được về cơ bản nhiệm vụ của mình, đấu tranh chống và phòng ngừa có hiệu quả tội phạm, góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội, giúp Nhà nước và xã hội kiểm soát về cơ bản tình hình tội phạm.

Bên cạnh những thành tích nói trên, xét từ góc độ dân chủ, TTHS ở nước ta còn có những điểm yếu sau:

Một là, trong cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, các biện pháp đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm chức vụ, tội phạm do người có chức vụ thực hiện, đặc biệt là tội tham nhũng tỏ ra ít hiệu quả. Bộ phận này của tình hình tội phạm gần như nằm ngoài tầm kiểm soát của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Trong khi đó, nó có ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đến nền dân chủ xã hội chủ nghĩa;

Hai là, dù đã có nhiều thành tích trong việc xây dựng, qui định khả năng tham gia của nhân dân, xã hội vào tố tụng hình sự, tạo điều kiện để người dân, tổ chức và xã hội tiếp cận và kiểm soát hoạt động tố tụng, nhưng do còn thiếu cơ chế thực hiện cụ thể và khả thi nên thực tế hoạt động của nhân dân, xã hội trong lĩnh vực này kém hiệu quả;

Ba là, còn một số vấn đề quan trọng vừa thể hiện tính dân chủ, vừa tạo điều kiện để tố tụng hình sự đạt hiệu quả cao như tranh tụng, suy diễn vô tội,... chưa được qui định rõ nét trong luật TTHS;

Bốn là, thực tiễn tố tụng hình sự nước ta trong thời gian qua cho thấy, hoạt động tố tụng còn nhiều hạn chế ở hầu hết các khâu: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, các trường hợp oan, sai vẫn còn nhiều, quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức bị vi phạm còn nhiều...

2. Kiến nghị về giải pháp nhằm củng cố và tăng cường dân chủ trong TTHS hiện nay ở nước ta

Nghiên cứu thực tiễn TTHS nước ta trong thời gian qua, đối chiếu với các điều kiện hiện có ở nước ta và những kết quả cải cách tư pháp mà chúng ta đã đạt được, chúng tôi cho rằng khâu đột phá để giải quyết những tồn tại, bất cập cũng như những yếu kém của tố tụng hình sự nhằm từng bước củng cố, hoàn thiện tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp hiện nay là đảm

bao và thực hiện bằng được nguyên tắc độc lập trong tổ tụng hình sự.

Nguyên tắc độc lập là một trong những nguyên tắc cơ bản của tư pháp nói chung và tư pháp hình sự nói riêng. Chỉ khi có độc lập thì hệ thống tư pháp, đặc biệt là cơ quan xét xử mới có điều kiện để thực hiện vai trò người giải quyết các tranh chấp, xung đột, mâu thuẫn trong xã hội, người đưa ra phán quyết nhân danh công lý, công bằng xã hội.

Thực tế công tác tư pháp thời gian qua cho thấy nguyên tắc này chưa được đảm bảo xét trong nhiều mối quan hệ: với tổ chức Đảng, với cơ quan hành pháp, cơ quan đại diện. Trong mối quan hệ với Đảng, nguyên do chủ yếu vẫn là không tách bạch được lãnh đạo với thực hiện, dẫn đến bao biện, can thiệp vào công việc nhà nước. Nguyên nhân hiện tượng này có nhiều, nhưng cần kể đến một số vấn đề sau đây:

- Thiếu triệt để và khoa học trong việc thực hiện nguyên tắc thống nhất, phân công và phối hợp trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

Một trong những nguyên tắc quan trọng tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta đã được Đảng và Nhà nước ta khẳng định là: nguyên tắc thống nhất, phân công và phối hợp quyền lực nhà nước. Nguyên tắc này được hiện thực hóa bằng nhiều qui định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta, về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước... Xét từ bình diện pháp luật thực định, dường như các qui định này tương đối rõ, nhưng trong thực tế, cơ chế thực hiện sự phân công quyền lực nhà nước chưa thật chặt chẽ, làm giảm, hạn chế tính độc lập và hiệu quả của hoạt động tư pháp. Nguyên nhân lớn nhất ở đây là thiếu rạch ròi, rành mạch trong việc phân công cán bộ thực hiện các hoạt động khác nhau của Nhà nước, thậm chí chưa nhận thức sát đúng của việc phân công này. Như vậy theo chúng tôi, cần tách các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp một cách triệt để thì mới đảm bảo yêu cầu chuyên nghiệp hóa,

đảm bảo thời gian vật chất cũng như thể lực cho các cán bộ thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời đảm bảo cơ chế kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan và cán bộ nhân viên Nhà nước. Thực tế kiểm nghiệm cho thấy vừa hoạt động ở lĩnh vực này (ví dụ hành pháp, tư pháp) lại vừa hoạt động ở lĩnh vực khác (như lập pháp, hoặc cơ quan đại diện HĐND) rõ ràng làm triệt tiêu ý nghĩa nêu trên của phân công quyền lực nhà nước. Việc kiêm nhiệm này thực tế làm cho quyền lực hành pháp mạnh hơn, chi phối, thậm chí lấn lướt các quyền lực khác (chẳng hạn như quyền lực tư pháp hoặc quyền lực của các cơ quan đại diện).

Vì vậy, chúng tôi cho rằng chỉ những người đứng đầu cơ quan hành pháp và tư pháp mới được là đại biểu Quốc hội, còn tất cả các thành viên khác không được kiêm nhiệm.

Tình trạng kiêm nhiệm nhiều chức vụ không chỉ xảy ra giữa các lĩnh vực quyền lực nhà nước khác nhau, mà trong một nhánh quyền lực nhà nước, việc kiêm nhiệm cũng diễn ra khá phổ biến. Chúng tôi cho rằng đây là một trong những biểu hiện trái chiều với nguyên tắc phân công và phối hợp trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Kiêm nhiệm là không có sự phân công, không có phân công thì không có phối hợp và không thể kiểm soát. Tình trạng này cần phải chấm dứt vì nó làm suy yếu bộ máy nhà nước, dễ dẫn đến độc quyền, lộng quyền, lạm quyền, làm giảm khả năng kiểm soát của nhân dân đối với việc thực hiện quyền lực nhà nước, làm mất lòng tin của nhân dân vào Nhà nước.

Một vấn đề nữa cần được xem xét kỹ lưỡng và có biện pháp triển khai cụ thể là ranh giới giữa lãnh đạo từ phía Đảng và hoạt động của cơ quan nhà nước. Có nhiều biểu hiện có sự lẫn lộn giữa lãnh đạo với chỉ đạo trực tiếp đối với hoạt động tư pháp, thậm chí hoạt động tố tụng. Vụ việc đất đai ở Đồ Sơn - Hải Phòng là một ví dụ. Cơ quan Đảng và Thành phố loại I trực thuộc trung ương, có

những biểu hiện trực tiếp chỉ đạo hoạt động xét xử¹.

- Cách thức tổ chức hệ thống các cơ quan tố tụng chưa đảm bảo tối ưu, tính hiệu quả và điều kiện để các cơ quan tố tụng hình sự thực hiện nguyên tắc độc lập.

Nghiên cứu các qui định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tư pháp hình sự, chúng tôi cho rằng pháp luật hình sự và pháp luật TTHS tuy còn có những hạn chế, bất cập nhất định, nhưng về cơ bản thể hiện tốt bản chất dân chủ, và nếu thực hiện đúng, sát thực với tinh thần các qui định đó thì nền dân chủ của chúng ta sẽ thực chất hơn, được đảm bảo hơn rất nhiều. Như vậy, vấn đề vẫn là ở chỗ thực hiện pháp luật đó như thế nào? Hiệu quả cao hay thấp? Mà hiệu quả của hoạt động tư pháp nói chung và tư pháp hình sự nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào tính độc lập, khả năng độc lập của cán bộ trong hoạt động của mình. Điều này do đặc trưng của hoạt động tư pháp quy định: sẽ không có kết luận đúng đắn, khách quan, sẽ không có phán xử công minh, khách quan nếu người kết luận, người xét xử không độc lập. Từ đây có thể thấy, hiệu quả tố tụng hình sự không chỉ phụ thuộc vào pháp luật tố tụng, mà còn phụ thuộc nhiều vào vấn đề tổ chức bộ máy tư pháp từ cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử và thi hành án.

Xét về tổ chức hệ thống các cơ quan tư pháp hình sự nói chung và các cơ quan TTHS nói riêng, thì cách thức tổ chức như hiện nay chưa đảm bảo các điều kiện cần thiết để các cơ quan TTHS có khả năng độc lập. Để tăng cường khả năng này, việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách tổ chức tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra cũng như tổ chức luật sư là một trong những khâu quan trọng. Công cuộc cải cách này phải nhằm đến mục tiêu vừa đảm bảo dân chủ vừa đảm bảo hiệu quả TTHS.

Cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu vấn đề này. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nhắc lại một cách ngắn gọn. Trước hết bắt đầu từ cơ quan xét xử, cải cách hệ thống xét xử về tổ chức theo cấp xét xử sẽ làm tăng khả năng độc lập của thẩm phán và tòa án, mặt khác giải quyết được nhiều khó khăn khác. Thực hiện triệt để chế độ hai cấp xét xử, tăng thẩm quyền và tăng cường cán bộ giỏi cho cấp sơ thẩm – vì đây là hình thức xét xử quan trọng nhất.

Đối với cơ quan kiểm sát, theo chúng tôi, cải cách thành viện công tố thuộc cơ quan hành pháp, bỏ chức năng kiểm sát là hợp lý, đơn giản và khả thi.

Mở rộng, phát huy và đảm bảo dân chủ không thể không nói đến vai trò của quần chúng nhân dân, tổ chức, đoàn thể xã hội. Ở đây, trong lĩnh vực tố tụng hình sự, yêu cầu quan trọng nhất là tăng cường các hình thức và khả năng kiểm soát của nhân dân, tổ chức, đoàn thể xã hội đối với hoạt động tố tụng, mở rộng hơn nữa các hình thức thu hút sự tham gia của họ trong tố tụng, qui định cụ thể, chi tiết với tính khả thi cao cơ chế thực hiện các quyền giám sát và quyền tham gia vào hoạt động tố tụng. Tăng cường vai trò của luật sư, mở rộng phạm vi quyền hạn của họ trong tố tụng hình sự...

Một trong những vấn đề quan trọng để phát huy dân chủ trong TTHS là giới hạn các vụ việc mà người dân có quyền lựa chọn cách thức giải quyết, trong đó có tố tụng hình sự. Ở đây nói về giới hạn giữa tư tố và công tố. Theo chúng tôi, rất cần xem xét lại phạm vi các vụ việc thuộc phạm vi tư tố. Đây cũng là một trong các hình thức biểu hiện rõ nét mức độ dân chủ trong tố tụng hình sự.

¹ Xem thêm: Báo điện tử Vnexpress, ngày 7 tháng 9 và ngày 3 tháng 10 năm 2006